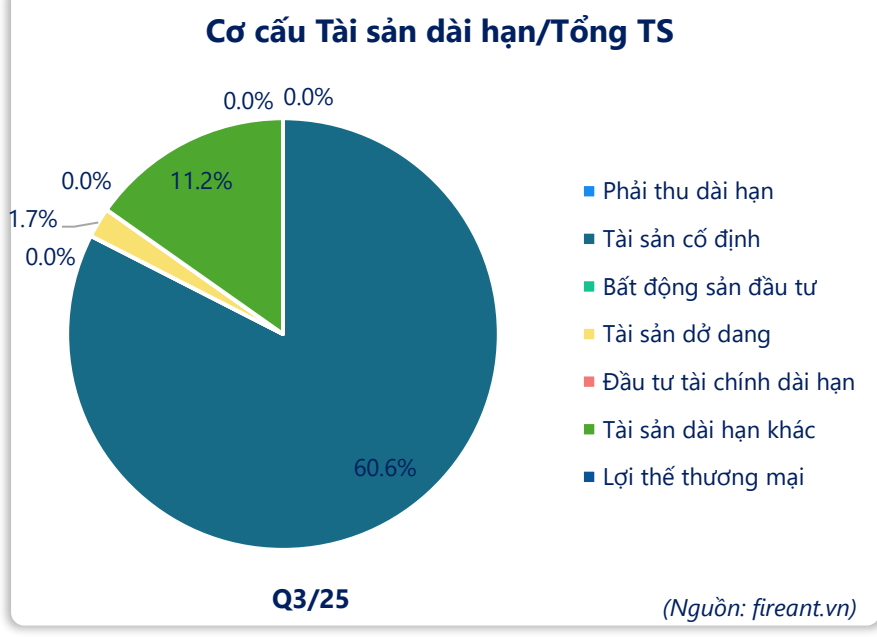
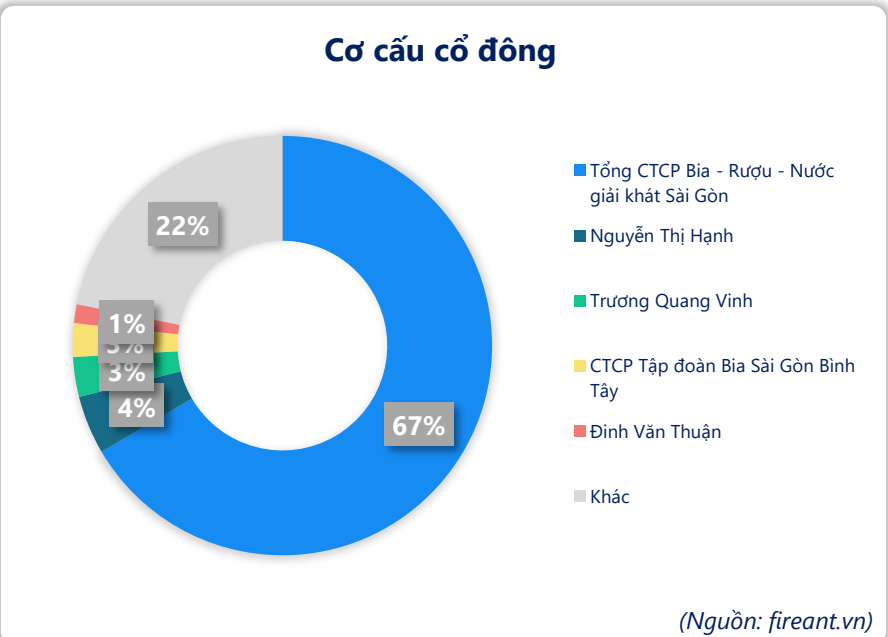
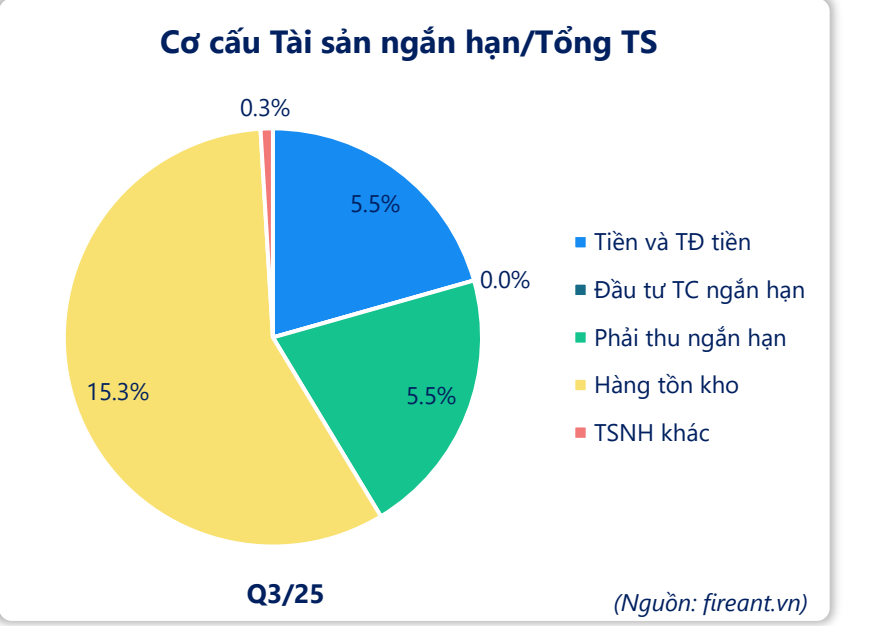
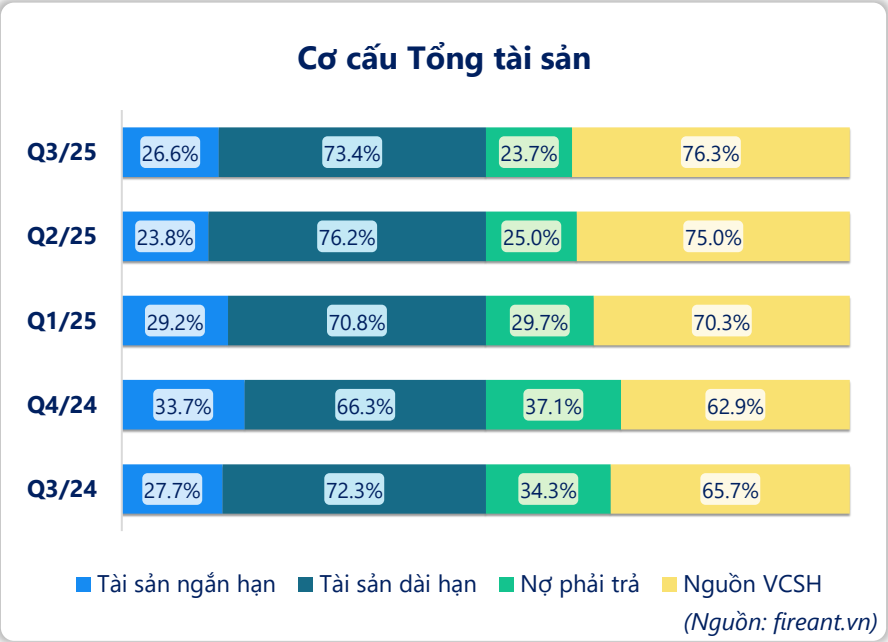
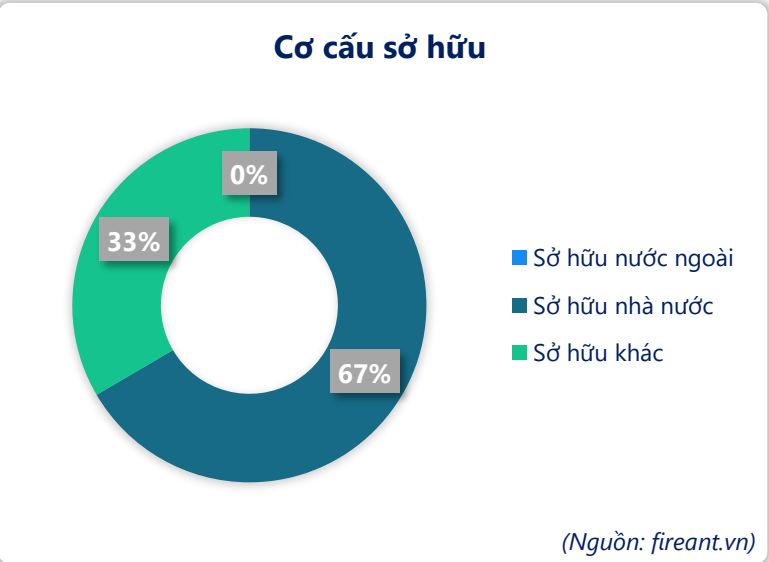
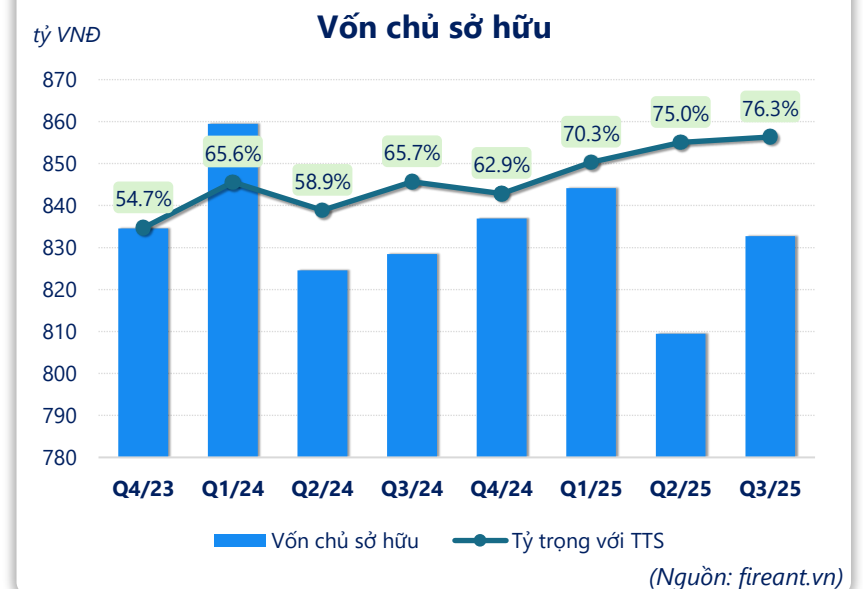
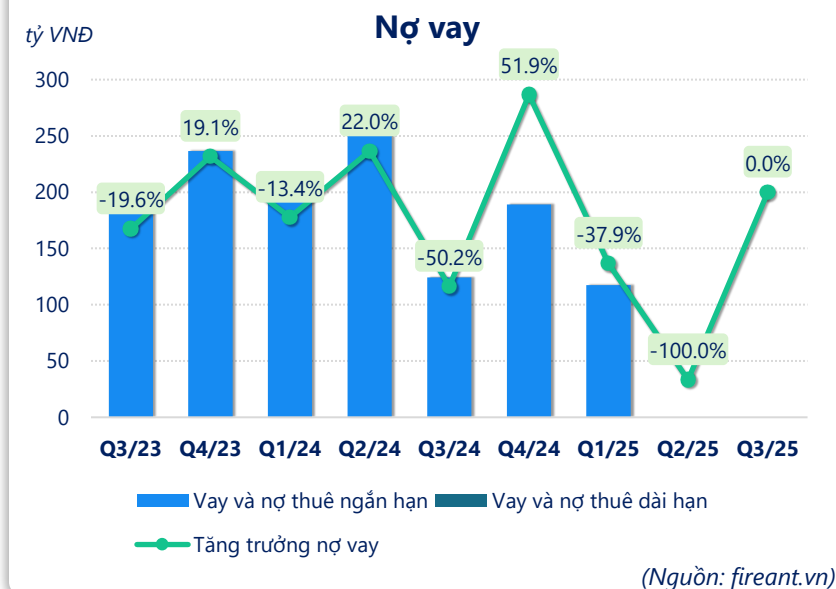
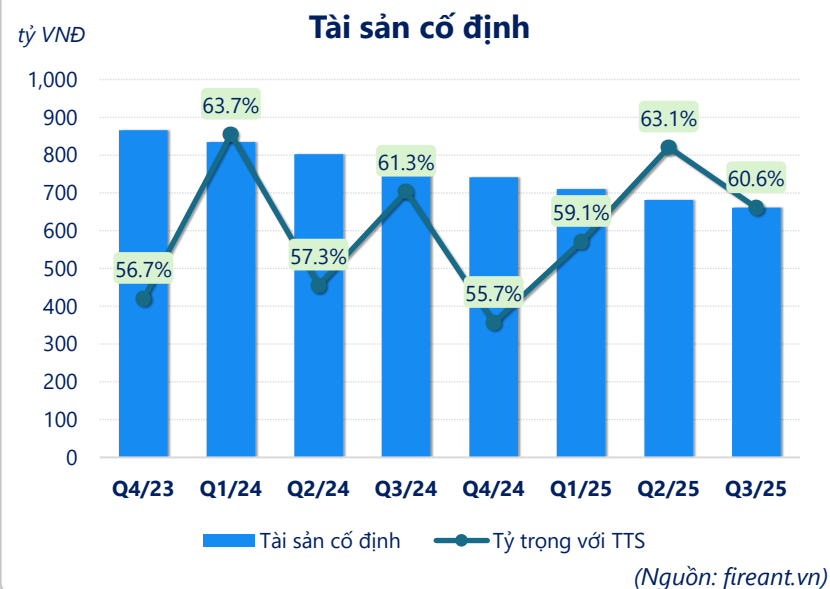
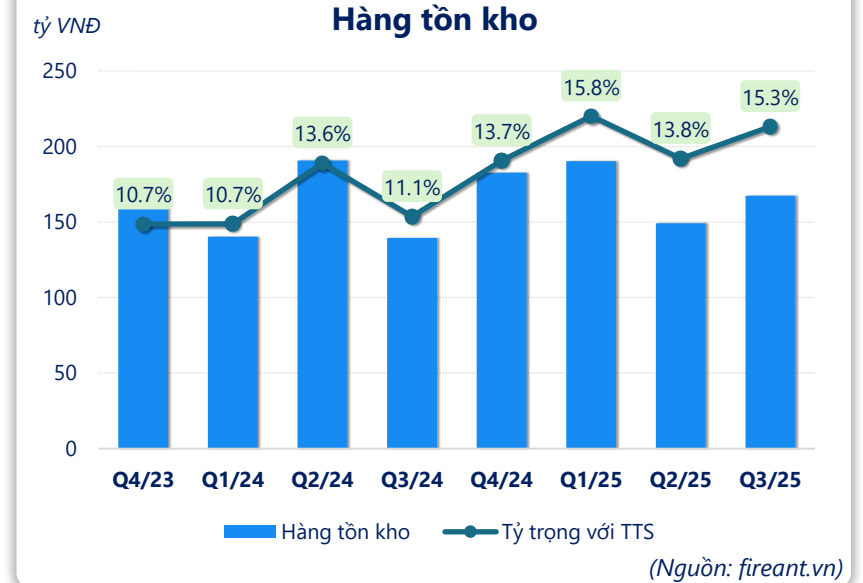
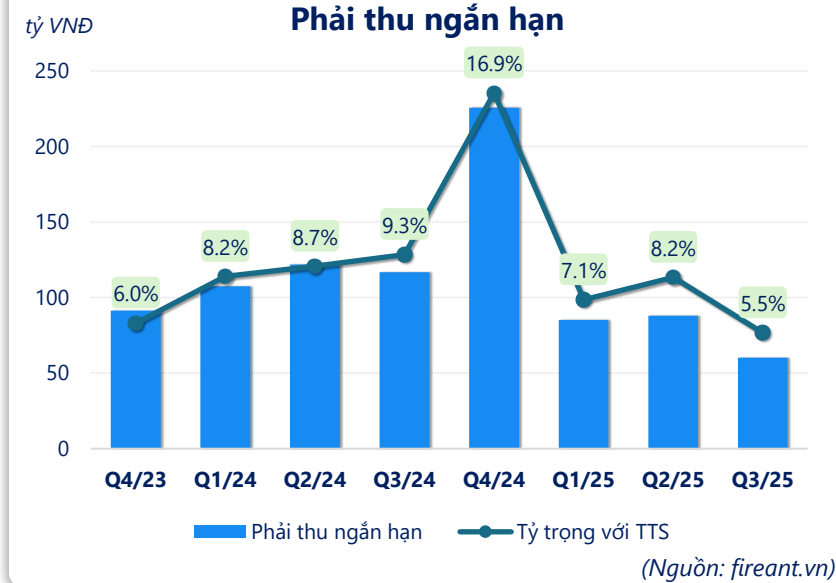
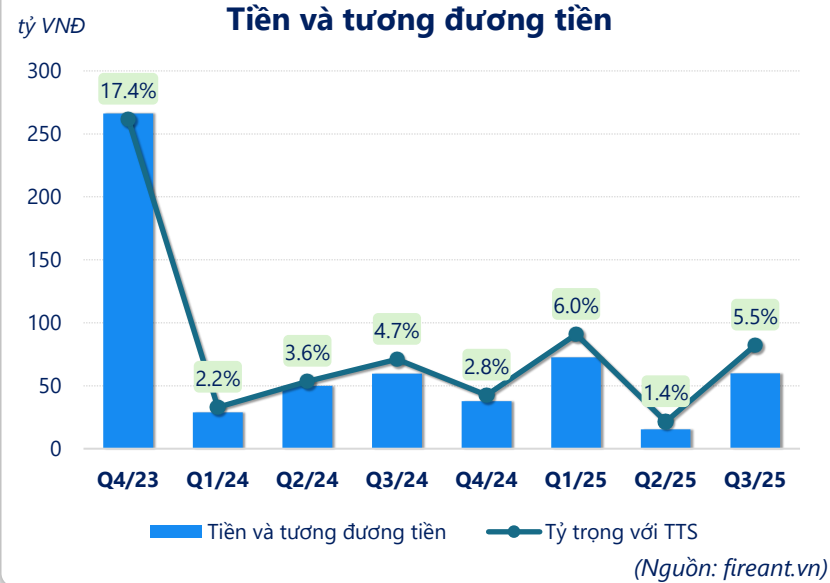
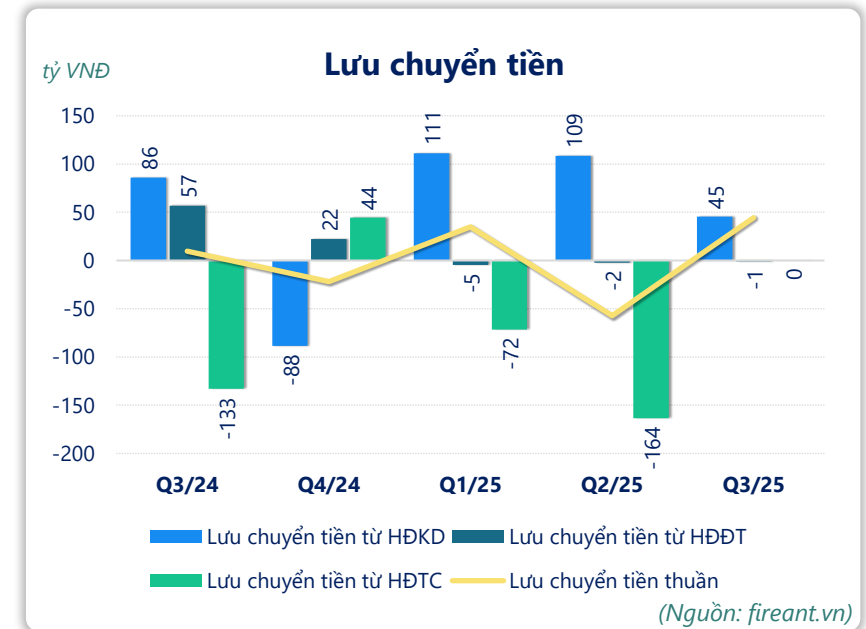
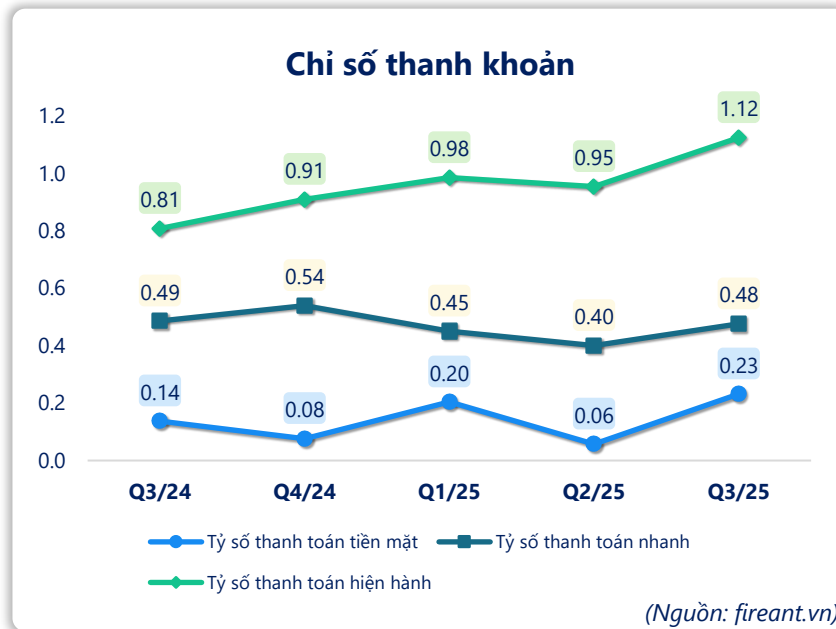
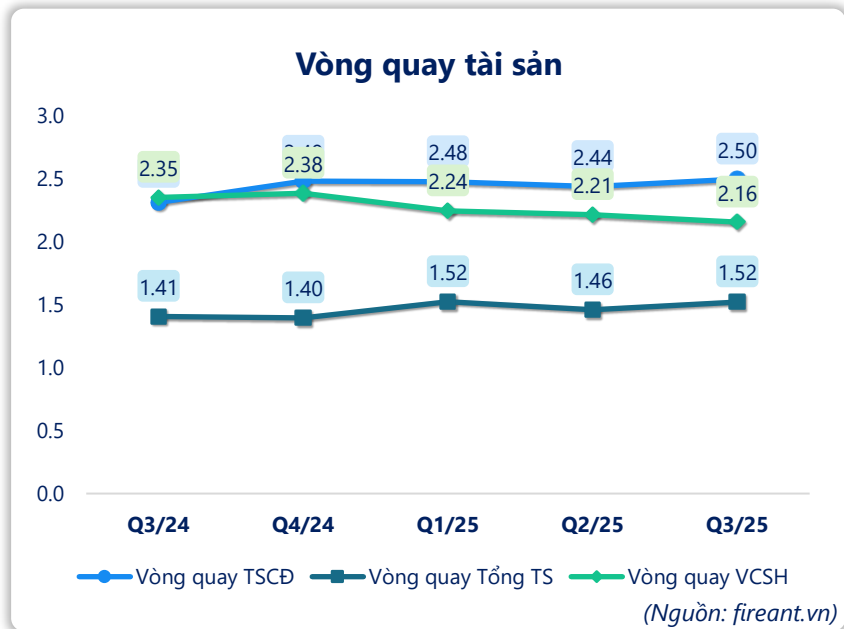
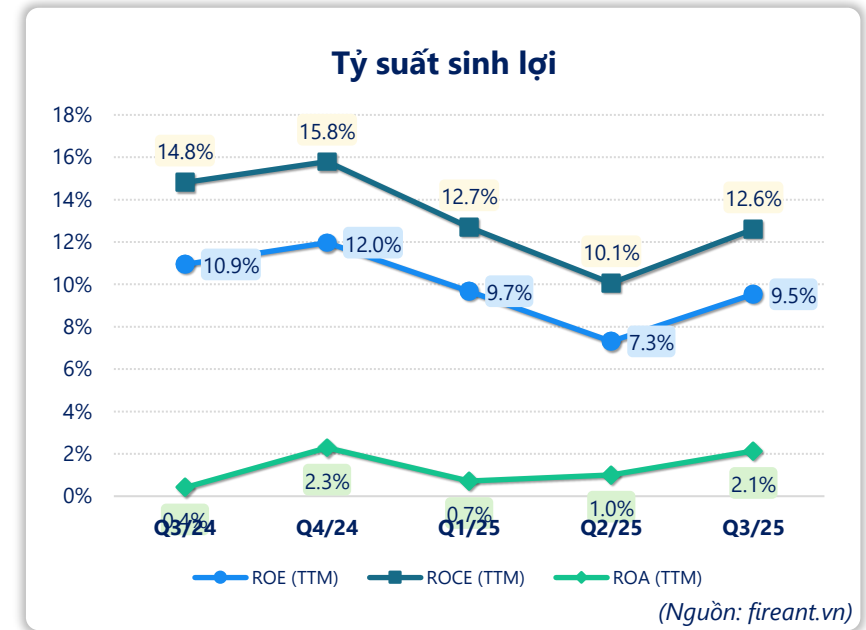
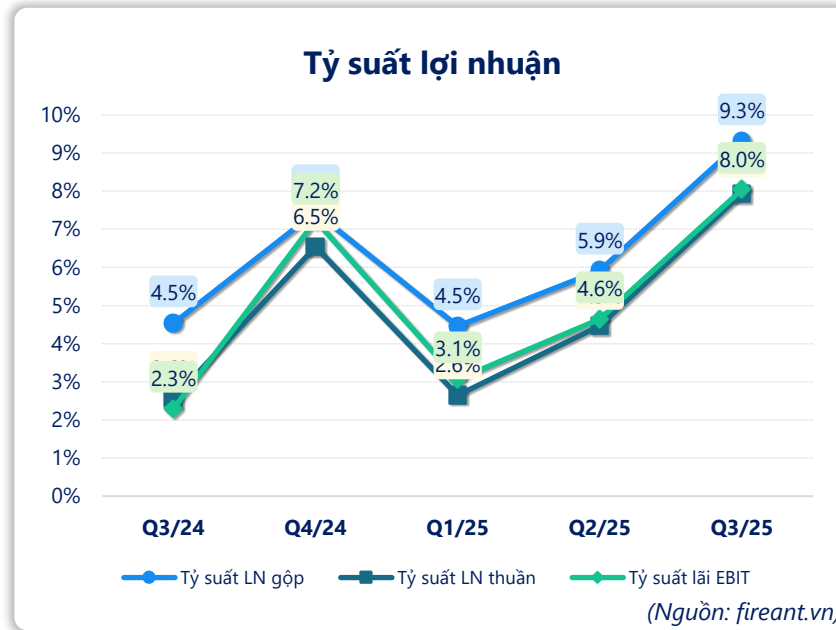
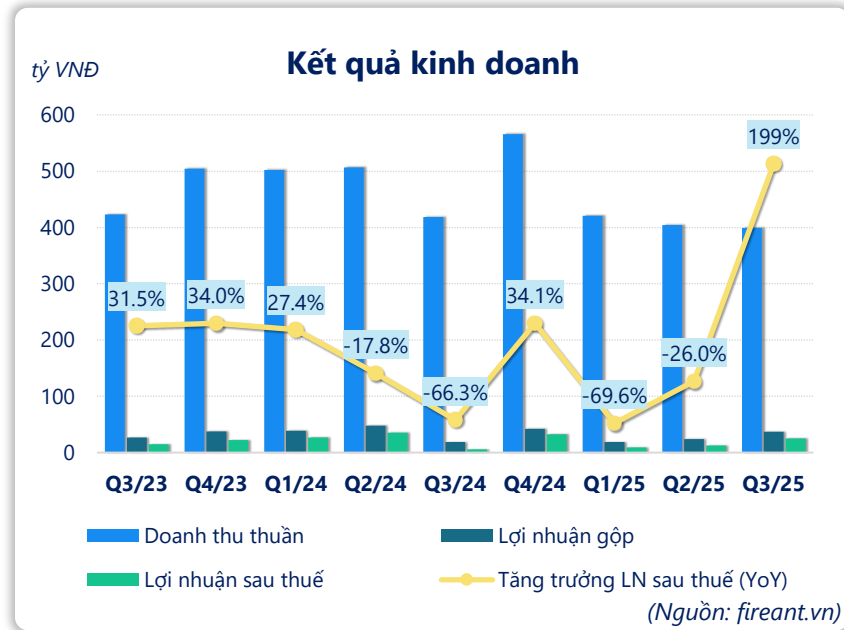


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		18,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		22,307
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		17,276
SL cổ phiếu LH		45,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		120
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		851
P/E		10.7
EPS		1,759

	YTD	1T	3T	6T
BSQ	-5.2%	5.0%	-2.1%	-7.4%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,091	1,331	-18.0%
Tài sản ngắn hạn	290	449	-35.4%
Tiền và tương đương tiền	59.8	37.7	58.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	60.2	226	-73.3%
Hàng tồn kho	167	183	-8.4%
Tài sản ngắn hạn khác	2.76	3.03	-9.0%
Tài sản dài hạn	801	882	-9.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	661	741	-10.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	18.0	14.4	25.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	122	126	-3.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	258	494	-47.7%
Nợ ngắn hạn	258	494	-47.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	189	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	26.2	49.3	-46.7%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	833	837	-0.5%
Vốn chủ sở hữu	833	837	-0.5%
Vốn điều lệ	450	450	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	418	566	421	404	399
Giá vốn hàng bán	399	524	402	380	362
Lợi nhuận gộp	19.0	42.2	18.8	23.9	37.2
Doanh thu HĐTC	0.67	1.20	0.20	0.47	0.75
Chi phí TC	2.11	0.73	1.67	0.60	0.33
Chi phí lãi vay	1.81	0.68	1.66	0.60	0.33
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	3.59	3.10	2.67	2.62	2.68
Chi phí QLDN	3.26	2.52	3.50	3.10	3.21
LN thuần từ HĐKD	10.7	37.0	11.1	18.1	31.7
Lợi nhuận khác	-2.89	3.19	0.11	0.10	0.08
LN trước thuế	7.80	40.2	11.3	18.2	31.8
Lợi nhuận sau thuế	5.58	32.7	8.93	12.5	25.1
LNST của CĐ cty mẹ	5.58	32.7	8.93	12.5	25.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	85.8	-88.5	111	109	45.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	56.7	22.1	-4.72	-2.14	-0.95
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-133	44.4	-71.6	-164	-0.07
Tiền đầu kỳ	50.0	59.6	37.7	72.6	15.4
Lưu chuyển tiền thuần	9.65	-21.9	34.9	-57.2	44.4
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	-0.01	-0.01	0.00	0.01
Tiền cuối kỳ	59.6	37.7	72.6	15.4	59.8

(Nguồn: fireant.vn)